

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Ngọc T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Oanh và bà Nguyễn Thị Nhiều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX -ST ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 2003; Nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, bản tự khai đề ngày 01/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hùng, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/9/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh T còn uống rượu say, đánh chửi, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị. Cuộc sống hôn nhân của chị và anh T không hạnh phúc. Chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi bản thân. Vì vậy, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình ở và sống ly thân với anh T từ tháng 9/2024. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc T.

1.2 Về con chung: Chị và anh Đỗ Ngọc T có 01 con chung là Đỗ Ngọc Duy A, sinh ngày 30/12/2022. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con Duy A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về chia tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ chung cá nhân, cơ quan, tổ chức xã hội nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Đỗ Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án và cũng không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 12/11/2024, người làm chứng là bà Đỗ Thị Hương (là mẹ đẻ của chị T) trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh T ở xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau. Anh T còn đánh, chửi chị T, xúc phạm chị T. Chị T và bà đã nhiều lần khuyên ngăn anh T nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 9/2024, chị T đưa con về nhà bà sinh sống, hai bên sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị T vì vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ. Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung như chị T trình bày. Hiện cháu Duy A đang sống với chị T và gia đình bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi dưỡng cháu Duy A. Chị T có đủ điều kiện nuôi con. Gia đình bà cũng sẽ hỗ trợ chị T chăm sóc chu đáo cho cháu Duy A. Về tài sản: bà Hương trình bày như lời trình bày của chị T.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 21/11/2024, ông Trần Quý Phúc, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (là nhân viên bưu điện Bưu cục xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình) trình bày: Vào

ngày 06/11/2024 ông đến nhà anh Đỗ Ngọc T để giao tài liệu của Tòa án nhân dân huyện V gửi cho anh T. Ông khẳng định chữ ký tại Phiếu Báo phát ký hiệu số RE415608782VN, mục người nhận đúng là chữ ký của anh T, do anh T ký nhận.

5. Tại Biên bản xác minh ngày 21/11/2024 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp: Do sau khi kết hôn, vợ chồng chị T đi làm ăn, không sinh sống tại địa phương nên địa phương không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh T. Tuy nhiên từ tháng 9/2024, chị T không còn chung sống với anh T tại gia đình anh T. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T của chị T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện chị T đang nuôi dưỡng cháu Duy A. Đề nghị Tòa án xem xét việc giao con chung theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em. Về tài sản: Địa phương không nắm được tài sản chung của vợ chồng chị T, anh T. Anh chị không có khoản vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

Anh Đỗ Ngọc T và chị Nguyễn Thị Phương T hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã V, huyện V. Tuy nhiên, anh T bán mặt hàng dao nên nay đây mai đó, thỉnh thoảng mới đi về gia đình. Chị T không sinh sống tại xã V. Bố mẹ đẻ anh T cũng làm nghề bán dao, thường xuyên không có mặt tại địa phương; ông nội anh T đã chết, bà nội bị tai biến và đã già yếu. Anh T có 01 anh trai nhưng hiện sinh sống ở nước ngoài.

Do không thực hiện được việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho anh T nên Tòa án cùng UBND xã V thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng gửi cho anh T theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Đỗ Ngọc T; Xử giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy A, sinh ngày 30/12/2022. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đỗ Ngọc T có đăng ký thường trú tại Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Ngọc T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị T và gia đình chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T hay đánh, chửi chị T, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị. Mặc dù, chị T đã cho anh T nhiều cơ hội và gia đình chị T cũng đã khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi bản thân, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Kết quả xác minh của Tòa án, lời khai của chị T, bà Hương đều thể hiện vợ chồng chị T mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Tài liệu trong phong bì thư ký hiệu số RE415608782VN là Thông báo về việc thụ lý gửi cho anh T. Anh T đã ký nhận và biết việc Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý giải quyết vụ việc theo yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, anh Đỗ Ngọc T không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều đó thể hiện việc anh T không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Đỗ Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Đỗ

Ngọc Duy A và đã giao nộp tài liệu chứng minh mức thu nhập hàng tháng của chị. Hội đồng xét xử xét thấy: chị T hiện đang làm việc tại Công ty TNHH đồ dùng thể thao YA XUAN, có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, có sự hỗ trợ của gia đình để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Anh T không thể hiện quan điểm về việc nuôi con chung. Kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con. Mặt khác, cháu Duy A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Đỗ Ngọc Duy A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

[2.3] Về tài sản chung: Do chưa có lời trình bày của anh T, chị T không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Duy A, sinh ngày 30/12/2022. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai

số 0001782 ngày 01 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Đỗ Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục THA Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V (GCNKH số 50 ngày 12/9/2022).
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Nguyễn Thị Hải Lý*****Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục THA Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V(GCNKH số 15 ngày 13/02/2020).
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa****Nguyễn Thị Hải Lý**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Lý